

Bản số: **51/2024/HNGĐ – ST**

Ngày: 16-9-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Việt Vĩnh

2. Bà Dương Thị Nam

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Huyền My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

* *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà C L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

(Có mặt anh V, chị N xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V chung sống với chị Lê Thị Ngọc T năm 2005 trên cơ sở tự nguyện đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau do không cùng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện chị N cùng các con đã chuyển về tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai sinh sống. Anh V xác định tình cảm vợ chồng

không còn, xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 03/5/2006 và Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 19/3/2011. Hiện cả 02 con đang ở với mẹ. Nếu ly hôn anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn là chị Lê Thị N trình bày: Vợ chồng chung sống từ năm 2005 và có có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không hạnh phúc nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Nay anh V xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 03/5/2006 và Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 19/3/2011 hiện cả hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến con chung của anh V và chị N trình bày khi bố mẹ giải quyết ly hôn, các con Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Tiến Q đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị N đề nghị xin vắng mặt tất cả các buổi Tòa án giải quyết. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến V, anh V được ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Nguyễn Tiến Q**, sinh ngày 19/3/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh **V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** không yêu cầu, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V** và chị **N** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh **V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **V** cư trú tại **xã L, huyện P** còn chị **N** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giải quyết nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh **V** có mặt, chị **N** xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Tiến V** và chị **Lê Thị Ngọc C** sống với nhau từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện P** do đó được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh **V** xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn. Chị **N** xác định vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, ly thân từ năm 2018 nên anh **V** xin ly hôn, chị nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh **V**, anh **V** được ly hôn với chị **N** phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh **V** và chị **N** có 02 con chung là **Nguyễn Thị Thu P**, sinh ngày 03/5/2006 và **Nguyễn Tiến Q**, sinh ngày 19/3/2011 hiện cả hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Nếu ly hôn, chị **N** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, anh **V** đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử thấy cháu **Nguyễn Thị Thu P** sinh ngày 03/5/2006 tính đến ngày xét xử cháu đủ 18 tuổi đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết. Còn cháu **Nguyễn Tiến Q** sinh ngày 19/3/2011, anh **V** và chị **N** đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn

môi trường sống, giáo dục của con, hiện con đang ở với mẹ và con cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Tiến Q** cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh **V** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh **V** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **V**.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V** và chị **N** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh **V** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Tiến V**. Anh **V** được ly hôn chị **Lê Thị Ngọc**.

2. Về con chung:

Con chung của anh **V** và chị **N** là **Nguyễn Thị Thu P**, sinh ngày 03/5/2006 tính đến ngày xét xử cháu đủ 18 tuổi, đã thành niên.

Giao cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Tiến Q**, sinh ngày 19/3/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh **V** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **V**.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Nguyễn Tiến V** phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0003896 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Tiến V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THA dân sự huyện Phú Bình;
- UBND xã Lương Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

- T/M HỢP ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN - CHỦ TOÁ PHIÊN TOÀ
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
 - VKSND tỉnh Thái Nguyên;
 - VKSND huyện Phú Bình;
 - THA dân sự huyện Phú Bình;
 - UBND xã Kha Sơn;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

T/M THẨM

Trương Thị Thanh Trúc

Phú Bình, ngày 16 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh T1

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Viết V1

2. Bà Dương Thị N1

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 16/9/2024 tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

* *Bị đơn*: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà C L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến V. Anh V được ly hôn chị Lê Thị Ngọc.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

2. Về con chung:

Con chung của anh V và chị N là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 03/5/2006 tính đến ngày xét xử cháu đủ 18 tuổi, đã thành niên.

Giao cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Tiến Q**, sinh ngày 19/3/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh **V** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **V**.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

4. Về án phí: Anh **Nguyễn Tiến V** phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003896 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh **Nguyễn Tiến V** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **Lê Thị N** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 50 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

